

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2019

“Về việc ly hôn và yêu cầu nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Hoàng Vũ**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc: “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019 và Thông báo thay đổi gian mở phiên tòa số: 23 ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, S năm 1986 (Có mặt)

2- Bị đơn: Anh **Phan Văn S**, S năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp CA, xã TY, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2019 nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị L và anh Phan Văn S cưới nhau vào năm 2010, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 22/12/2010 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã AM B, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi và anh S có tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm L cho gia đình. Đời sống hôn nhân không có hạnh phúc nên từ khi chị mang thai đứa con thứ 2

thì vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Phan Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Phúc T, S ngày 10/7/2012 và Phan Gia P, S ngày 17/10/2018. Hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn vắng mặt anh S trình bày vì bận công tác nên anh không có mặt tại tòa được, về nội dung vụ án anh S yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh S không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Phan Văn S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc anh S xin được vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phan Văn S.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị L và anh Phan Văn S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã AM B, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo chị L trình bày thì sau thời gian vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi, anh S không chăm L để xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc bền vững, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ khi chị L mang thai đứa con thứ 2 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo cho anh S biết việc chị L yêu cầu xin ly hôn với anh S, nhưng anh S

không có ý kiến gì cũng như không đến tham gia giải quyết vụ án để thể hiện ý kiến là còn thương vợ con mình cũng như là hàn gắn tình cảm với nhau để vợ chồng đoàn tụ chung sống. Như vậy anh S đã bỏ qua cơ hội để hòa giải toàn tụ với chị L.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho chị Trần Thị L và anh Phan Văn S ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị L và anh S có 02 đứa con tên Phan Phúc T, S ngày 10/7/2012 và Phan Gia P, S ngày 17/10/2018. Hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy cháu Phan Phúc T đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được S sống cùng với chị L khi cha, mẹ ly hôn với nhau, còn cháu Phan Gia P chưa được 36 tháng tuổi do đó HĐXX nghĩ nên cần giao hai người con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L không yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn S cũng không có ý kiến về việc này nên HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị L và không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát S tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0003041 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L và anh Phan Văn S được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao hai người con tên Phan Phúc T, S ngày 10/7/2012 và Phan Gia P, S ngày 17/10/2018 cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị L và anh S có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát S tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm vụ án : Buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0003041, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Trần Thị L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/12/2019). Đối với anh Phan Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã AM B;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh